TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22–10 - 2019
V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.
2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Huyền.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, giải quyết về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã V , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã V , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Chị C , anh H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V , thành phố Thái Bình vào ngày 27/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ anh H . Quá trình chung sống, vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi cọ, xô xát nhau, nguyên nhân là do anh H đa nghi nên thường có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị những khi chị đi làm về muộn. Mỗi khi vợ chồng có mâu thuẫn, anh H lại nói chị giống mẹ chị vì mẹ chị một mình sinh ra chị khiến chị vô cùng tổn thương. Anh H luôn nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người này người kia, ngoài ra vợ chồng còn không thống nhất được vấn đề kinh tế. Năm 2015 chị đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhưng được các ban ngành đoàn thể hòa giải, phần khác vì thương các con nên chị đã về đoàn tụ với anh H . Từ sau khi đoàn tụ, chị thấy quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Thị Thanh T sinh ngày 12/5/2004 và Trần H L sinh ngày 25/01/2012. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con T , con L sẽ do bố nuôi, không ai pH cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Chị Trần Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn H trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn, mâu thuẫn giữa anh và chị C như chị C trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì không phải hoàn toàn như chị C trình bày mà còn có nguyên nhân từ phía chị C , chị C ăn nói không khéo léo, tình cảm lạnh nhạt với anh. Bản thân chị C từng bỏ nhà và hai con còn nhỏ dại cho anh một mình chăm sóc trong vài tháng sau khi chị rút đơn ở Tòa án về vào năm 2015. Nay chị C kiên quyết xin ly hôn, anh nghĩ vì tương lai của các con nên anh không muốn ly hôn mà muốn chị C quay về đoàn tụ cùng chăm sóc con.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung là Trần Thị Thanh T sinh ngày 12/5/2004 và Trần H L sinh ngày 25/01/2012. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con L , con T sẽ do chị C nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Đậu, mẹ đẻ anh H cho biết: Anh H và chị C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào 27/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã V . Qúa trình chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cãi cọ nhau, nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị C có mối quan hệ khác bên ngoài, mặt khác chị C tính tình thẳng thắn, nói năng không được khéo léo. Từ ngày 02/8/2019 (âm lịch) chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn để ở. An H chị C có hai con chung như anh chị đã trình bày là đúng. Anh H và chị C có tài sản là 01 nhà mái bằng, dạng nhà ống, nhà xây thô trên đất của bà từ cách đây khoảng 10 năm nhưng vẫn chưa hoàn thiện, chưa đưa vào sử dụng, kinh phí hết bao nhiêu bà không rõ, bà cũng không biết anh chị

có nợ ai tiền và cho ai nợ tiền không. Nay chị C xin ly hôn anh H , đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định chung, về con: đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu T cho mẹ nuôi dưỡng.

Xác minh tại thôn L, xã V , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thể hiện: Anh H và chị C có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn L, xã V , thành phố Thái Bình. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn cãi cọ nhau, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì cơ sở thôn không nắm rõ, chỉ nghe chị C nói lại là do anh H ghen tuông, khi vợ chồng mâu thuẫn, anh H cũng gọi điện nhờ các cơ quan đoàn thể tại địa phương hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, mặc dù được hướng dẫn nhưng anh H không làm đơn nên mâu thuẫn của anh chị chưa tiến hành hòa giải ở cơ sở. Anh H và chị C có hai con chung là cháu Trần Thị Thanh T sinh ngày 12/5/2004 và Trần H L sinh ngày 25/01/2012. Hiện tại anh H chị C không vay các đoàn thể ở địa phương còn có vay nợ cá nhân hay không thì thôn không nắm được. Nay chị C xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Bình phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị ánThẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn, đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung: áp dụng các Điều 58,81,82, 83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho chị C , anh H mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Về án phí: áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, chị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/01/2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau ngoài ra còn do vấn đề kinh tế trong gia đình không

thống nhất dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Hiện nay chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn để ở, chị C hiện đang sống ly thân với anh H .

[2] Chị C xin ly hôn, anh H không đồng ý mà muốn đoàn tụ, tuy nhiên anh H không có biện pháp cải thiện tình trạng hôn nhân hiện nay, trong quá trình giải quyết ly hôn vẫn mắng chửi chị C , hơn nữa anh chị vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên quay về đoàn tụ nhưng không thành, chị C vẫn kiên quyết xin ly hôn và đề nghị giải quyết về nuôi con chung. Kết quả xác minh cũng thể hiện vợ chồng chị C anh H có mâu thuẫn và hiện nay chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ để ở. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C anh H là có thật và đã kéo dài từ lâu, hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Trần Văn H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Thị Thanh T sinh ngày 12/5/2004 và Trần H L sinh ngày 25/01/2012. Cả chị C và anh H đều có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, cụ thể anh H nhận nuôi con L , chị C nhận nuôi con T . Nguyện vọng được nuôi con là nguyện vọng chính đáng của các bên, nguyện vọng này phù hợp với ý kiến của cháu L và cháu T vì vậy, để đảm bảo mọi mặt tốt nhất cho con chung cần giao cho chị C nuôi con Trần Thị Thanh T , anh H nuôi con Trần H L , không bên nào pH cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản: Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị C pH chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Xử giao con Trần Thị Thanh T sinh ngày 12/5/2004 cho chị Trần Thị C nuôi dưỡng, giao con Trần H L sinh ngày 25/01/2012 cho anh H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng cho con.

Chị C , anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị C , anh H có quyền thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản:Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thi Chung phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0009978 ngày 22 tháng 8 năm 2019 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/10/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *UBND xã V , TP Thái Bình (Số11 quyển 02 ngày 27/01/2003)*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**